

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh X, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 285/24, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; có mặt.
2. Bị đơn: Chị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.
3. Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp G, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2020, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, anh X, trình bày: Về hôn

nhân, anh và chị T tự tìm hiểu trước, cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2007. Sau khi cưới, sống bên gia đình nhà chồng một thời gian rồi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Sau đó, về quê ở một thời gian thì chị T dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Anh và chị T không còn sống chung từ khoảng năm 2010 đến nay đã 10 năm. Từ lúc không sống chung thì không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung, có 01 con chung tên S, sinh ngày 09/8/2006, đang sống chung với chị T, anh thống nhất cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng chị T vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 02 năm 2021, người làm chứng anh H, trình bày: Anh là em ruột của chị T, anh không có mâu thuẫn gì với anh X, chị T. Vợ chồng anh X, chị T cưới nhau khoảng 16 năm trước, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ nhưng anh biết vợ chồng chị T không còn sống chung khoảng 13 năm nay. Chị T đã từng làm thủ tục ly hôn nhưng anh X không chịu đến Tòa án nên nay anh X yêu cầu ly hôn chị T cũng không đến Tòa án và cũng do bận công việc. Tòa án có gửi Thông báo thụ lý, hòa giải cho chị T và gia đình có báo cho chị T hay nhưng do lúc trước anh X không chịu đến Tòa án nên chị T cũng không đến nhưng chị T thống nhất ly hôn. Về con chung thì vợ chồng anh X có 01 con chung tên S sinh năm 2006, đang sống với chị T, chị T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh X được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao con chung S sinh ngày 09/8/2006 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng,

anh X không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh X khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị T, người làm chứng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh X và chị T được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, anh X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T.

[4] Xét, yêu cầu của anh X là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh X, chị T phát sinh mâu thuẫn gia đình là có thật do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng anh X, chị T đã không còn sống chung hơn 10 năm. Theo thông tin của gia đình chị T thì chị T cũng thống nhất ly hôn, nhưng do trước kia anh X không đồng ý đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn nên nay chị T cũng không về. Hội đồng xét xử đã động viên anh X hàn gắn tình cảm với chị T nhưng anh X vẫn cương quyết ly hôn. Chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo và Quyết định đã 04 lần nhưng chị T vẫn không có văn bản ghi ý kiến, không đến Tòa án hòa giải với anh X để vợ chồng hàn gắn tình cảm, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh X, chị T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh X được ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, anh X, chị T có cùng ý kiến, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận: Chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung S, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T chưa yêu cầu. Khi có yêu cầu được giải quyết theo quy định chung.

[6] Về quyền thăm nom con: Anh X được quyền thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn anh X chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BI/2019/0003071 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh X. Cho anh X được ly hôn với chị T.

2. Về con chung:

2.1. Chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên S sinh ngày 09/8/2006.

2.2. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh X chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BI/2019/0003071 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/4/2021); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú